

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU CÀ PHÊ VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU CÀ PHÊ VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM COFFEE EXPO JS COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIETNAM COFFEE EXPORT., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110879055

3. Ngày thành lập: 01/11/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 72 Ngõ 5 đường Phú Mỹ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0353612345

Fax:

Email: Vietnamcoffee.expo@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
2.	Trồng cây cà phê	0126
3.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
4.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
5.	Trồng cây mía	0114
6.	Trồng cây lấy sợi	0116
7.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
8.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: - Trồng cây gia vị hàng năm; - Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm; - Trồng cây hàng năm khác còn lại.	0119
9.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
10.	Trồng cây ăn quả	0121
11.	Trồng cây điều	0123
12.	Trồng cây hồ tiêu	0124
13.	Trồng cây cao su	0125
14.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm Chi tiết: - Trồng cây gia vị lâu năm - Trồng cây dược liệu, hương liệu lâu năm	0128
15.	Trồng cây lâu năm khác	0129
16.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
17.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141

18.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
19.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai Chi tiết: - Chăn nuôi dê, cừu, hươu, nai để lấy thịt; - Sản xuất sữa nguyên chất từ dê và cừu sữa; - Chăn nuôi cừu để lấy lông.	0144
20.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
21.	Chăn nuôi gia cầm Chi tiết: - Hoạt động ấp trứng và sản xuất giống gia cầm - Chăn nuôi gà - Chăn nuôi vịt, ngan, ngỗng - Chăn nuôi gia cầm khác	0146
22.	Chăn nuôi khác Chi tiết: Sản xuất da lông thú, da bò sát từ hoạt động chăn nuôi	0149
23.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
24.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
25.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
26.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa Chi tiết: - Chế biến sữa ngoài cơ sở chăn nuôi	1050
27.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
28.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
29.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
30.	Sản xuất cà phê	1077(Chính)
31.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
32.	Bán buôn thực phẩm	4632
33.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại Bán buôn sắt, thép Bán buôn kim loại khác	4662
34.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
35.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
36.	Bán buôn tổng hợp	4690
37.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
38.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
39.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
40.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722

41.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
42.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)	4620
43.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
44.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
45.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
46.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá lưu động hoặc tại chợ	4781
47.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
48.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: hoạt động kinh doanh bất động sản	6810
49.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
50.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
51.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
52.	Xây dựng nhà để ở	4101
53.	Xây dựng nhà không để ở	4102
54.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
55.	Phá dỡ	4311
56.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới (trừ môi giới chứng khoán, bất động sản, thuế, kiểm toán, kế toán và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	4610
57.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa tại cảng hàng không)	5224
58.	Dịch vụ đóng gói	8292
59.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
60.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
61.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
62.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
63.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229

64.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
65.	Sản xuất điện Chi tiết: Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	3511
66.	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: (không bao gồm hoạt động truyền tải điện quốc gia)	3512
67.	Cửa, xe, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
68.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác Chi tiết: - Sản xuất gỗ dán, bìa giấy đủ mỏng để sử dụng dán hoặc làm gỗ dán hoặc sử dụng cho các mục đích khác như: Tấm gỗ được làm nhẵn, nhuộm, phủ, thấm tẩm, tăng cường (có giấy hoặc vải lót sau); Làm dưới dạng rời, - Sản xuất gỗ lạng, ván mỏng và các loại ván, tấm mỏng bằng gỗ tương tự; - Sản xuất gỗ mảnh hoặc gỗ thớ; - Sản xuất gỗ ván ghép và vật liệu dùng để cách nhiệt bằng thủy tinh; - Sản xuất gỗ dán mỏng, gỗ trang trí ván mỏng.	1621
69.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
70.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
71.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm gỗ khác nhau, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện.	1629

6. Vốn điều lệ: 60.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 6.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LƯƠNG THỊ THU THỦY	Xuân Đức, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	0261910007 65	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	10,000		
			Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	10,000		
2	NGUYỄN HUY ĐỨC	Tổ dân phố số 2 Phú Mỹ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	10,000	0010990064 96	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	10,000		

3	BÙI THỊ NGỌC	Thôn Chè Trinh, Xã Thanh Tâm, Huyện Thanh Liêm, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	4.800.0 00	48.000.000.000	80,000	0361920234 64
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	4.800.0 00	48.000.000.000	80,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Ho và tên: BÙI THI NGOC

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 11/10/1992

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036192023464

Ngày cấp: 31/12/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Chè Trinh , Xã Thanh Tâm, Huyện Thanh Liêm, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Chè Trinh , Xã Thanh Tâm, Huyện Thanh Liêm, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội